

Số: 57/BC-THCSHM

Nậm Nèn, ngày 12 tháng 6 năm 2026.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2025-2026

Thực hiện thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ ở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường PTDTBT THCS Huỗi Mí báo cáo công tác hoạt động của đơn vị năm 2025-2026, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung của đơn vị.

Tên trường: **TRƯỜNG PTDTBT THCS HUỖI MÍ**

Cơ quan chủ quản: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NẬM NÈN**

Tỉnh	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Lò Văn Tuấn
Huyện		Điện thoại	0916.099.523
Xã	Nậm Nèn	Email cá nhân	tuanlv.thcsnamhe.muongcha@dienbien.edu.vn
Đạt chuẩn quốc gia		Website trường	http://thcshuoimi.muongcha.edu.vn/
Năm thành lập	2009	Email trường	ptdtbtthcshuoimi.muongcha@dienbien.edu.vn
Công lập	X	Số điểm trường	0
Tư thục	0	Loại hình khác	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	X

Xã Nậm Nèn xã miền núi, nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Điện Biên. Về địa lí phía đông giáp xã Tủa Chùa, xã Mường Mùn, phía Bắc giáp xã Pa Ham; Phía Tây, Nam giáp xã Na Sang, có tổng diện tích tự nhiên là 17.482,82 ha, xã có 18 bản, dân số 7.559 người, gồm 9 dân tộc: Trong đó Dân tộc thái chiếm 19,49%; Dân tộc Mông chiếm 59,68%; Dân tộc Khơ Mú chiếm 14,25%; Dân tộc Kháng chiếm 4,70%; Dân tộc Kinh chiếm 1,24%; các dân tộc khác chiếm 0,65%. Tổng số hộ nghèo: 551 hộ chiếm 38,67%, hộ cận nghèo: 330 hộ chiếm 23,16%. Phần lớn nhân dân trong xã sinh sống bằng nghề nông nghiệp và chăn nuôi. Mặt bằng nhận thức của nhân dân không đồng đều, tỉ lệ hộ nghèo còn cao.

Trường PTDTBT THCS Huỗi Mí được thành lập theo Quyết định số 617/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 6 năm 2009 trải qua hơn 17 năm phấn đấu và

trường thành nhà trường đã không ngừng phát triển, trường được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1 tháng 2 năm 2025.

Ban giám hiệu nhà trường gồm 3 đồng chí có năng lực và được bổ nhiệm theo đúng quy định.

Trường có cơ sở vật chất gồm 11 phòng học, 4 phòng chức năng, 24 phòng nội trú, 2 phòng quản lý học sinh tạm, 5 phòng công vụ, 01 nhà bếp tạm, 01 nhà ăn và hệ thống các phòng hành chính, được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập và chăm sóc nuôi dưỡng học sinh.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 03/2023/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo; Trường PTDTBT THCS Huổi Mí thực hiện nhiệm vụ: Giảng dạy, huy động trẻ em lứa tuổi THCS đến trường; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục THCS. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, chính quyền địa phương, các phòng ban chuyên môn của xã, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường, chất lượng giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt, cụ thể:

Chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh luôn đảm bảo và ngày một nâng cao. Hàng năm nhà trường đều có học sinh giỏi các cấp.

Các tổ chức Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học.

Công tác thu chi tài chính của nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc theo đúng nguyên tắc tài chính.

Với những nỗ lực đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: Từ năm 2021 đến nay nhà trường luôn duy trì danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, nhiều giấy khen của các cấp, hàng năm 100% giáo viên, nhân viên LĐTT, nhiều cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được tặng Giấy khen, Bằng khen của UBND tỉnh. Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng đổi mới, tích cực hòa nhập, giao lưu học hỏi, tiếp cận, tiếp thu những kiến thức, những kinh nghiệm tiên tiến của trường bạn về áp dụng vào trường mình một cách phù hợp, hiệu quả. Một yêu cầu đặt ra với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh trường PTDTBT THCS Huổi Mí là phải luôn luôn cố gắng, học hỏi để nâng cao chất lượng, duy trì trường trung học cơ sở đạt kiểm định chất lượng mức 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1.

II. Đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên tính đến 10/6/2026.

	TS	Nữ	DT	Đăng viên	Trình độ chuyên môn						Biên chế	Hợp đồng
					ThS	Đ H	C Đ	T C	S C	CQ ĐT		
1.Ban giám hiệu	3		1	3		3					3	
Hiệu trưởng	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	2	0	0	0	0	2	
2. GV giảng dạy	17	6	13	14		17					17	

- Văn, Sử, GDCD	4	1	4	4	0	4	0	0	0	0	4	
- Toán, Lý, CN	4	2	2	3	0	4	0	0	0	0	4	
- Sinh, Hoá, Địa	3	2	2	2	0	3	0	0	0	0	3	
- Tin	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1	
- Thể dục	2	0	2	2	0	2	0	0	0	0	2	
- Ngoại ngữ	2	0	2	2	0	2	0	0	0	0	2	
- Âm nhạc	1	1	1	0	0	1	0	0	0	0	1	
- Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. TPT Đội TNTP HCM	1	1	1	1	0	1	0	0	0	0	1	
Bán chuyên trách	1	1	1	1	0	1	0	0	0	0	1	
4. Nhân viên	3	0	3	1	0	0	0	1	0	2	2	2
Thiết bị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Y tế	1	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	
Kế toán	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Văn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Bảo vệ	2	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	2

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, và đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên,

- 100% cán bộ giáo viên hoàn thành các chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. Cơ sở vật chất.

Hiện nay cơ sở vật chất của nhà trường đã được đầu tư CSVC tương đối khang trang và sạch sẽ:

- Phòng chức năng: 7 phòng kiên cố
- Phòng học bộ môn gồm: 1 phòng Ngoại ngữ, 1 Phòng tin học, 01 phòng Nghệ thuật, 01 phòng KHTN.
- Phòng hỗ trợ học tập: 1 Phòng Thư viện, 1 phòng thiết bị.
- Phòng quản trị hành chính: 1 phòng BV.
- Phòng phụ trợ: 2 phòng Tổ CM, 1 phòng y tế, 01 phòng tư vấn tâm lý và hỗ trợ học tập cho học sinh.
- Phòng phục vụ sinh hoạt: 24 phòng ở nội trú HS, 5 phòng công vụ GV, 2 phòng QL HS (phòng trực), 1 nhà bếp, 1 nhà ăn, 1 nhà kho tạm
- Công trình phụ trợ: 1 nhà VS của GV; 2 nhà VS của HS; 1 công trình cấp nước (khe núi); có cổng trường, tường rào, sân TDTT của HS...
- Đất: Tổng diện tích đất là 11.634,4 m² diện thích tối thiểu cho 1 học sinh là 31,875 m²/học sinh, đảm bảo theo quy định.
- Số thiết bị giáo dục phục vụ cho công tác dạy và học đảm bảo và đạt 70% số thiết bị đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

- Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức” của nhà xuất bản Giáo dục để thực hiện giảng dạy trong nhà trường.

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm học 2025-2026 nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá và tiến hành tự đánh, cải tiến chất lượng hàng năm.

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 2 năm 2025.

Duy trì Đạt chuẩn PCGD THCS Mức độ 3.

V. Kết quả hoạt động giáo dục.

Năm học 2025-2026 nhà trường tuyển sinh được 97 em đạt 100% vào lớp 6 với phương thức tuyển sinh là xét tuyển.

Thực hiện nghiêm kế hoạch giáo dục của nhà trường với mục tiêu thực hiện chương trình GDPT 2018.

Trong năm học nhà trường đã xây dựng các quy chế dân chủ, quy chế chuyên môn, quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa nhà trường và xã hội nhằm nâng cao chất lượng công việc, giáo dục đạo đức học sinh.

Năm học 2025-2026:

Tổng số học sinh: 365 trong đó có 11 lớp (3 lớp 6; 3 lớp 7; 3 lớp 8; 2 lớp 9) đạt 100% kế hoạch giao.

- Về chất lượng giáo dục học sinh trong năm học 2025 - 2026:

+ Kết quả chuyển lớp thăng: 365/365 = 100%

+ Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS: 72/72 = 100%

- **Chất lượng GD hai mặt:**

STT	Lớp	Sĩ số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		365	24	6,58%	114	31,23%	227	62,19%	0	0,00%	273	74,79%	75	20,55%	17	4,66%	0	0,00%
Khối 6		97	6	6,19%	34	35,05%	57	58,76%	0	0,00%	73	75,26%	19	19,59%	5	5,15%	0	0,00%
1	6A1	33	4	12,12%	14	42,42%	15	45,45%	0	0,00%	25	75,76%	6	18,18%	2	6,06%	0	0,00%
2	6A2	32	1	3,13%	10	31,25%	21	65,63%	0	0,00%	23	71,88%	7	21,88%	2	6,25%	0	0,00%
3	6A3	32	1	3,13%	10	31,25%	21	65,63%	0	0,00%	25	78,13%	6	18,75%	1	3,13%	0	0,00%
Khối 7		94	7	7,45%	32	34,04%	55	58,51%	0	0,00%	71	75,53%	19	20,21%	4	4,26%	0	0,00%
4	7B1	30	2	6,67%	10	33,33%	18	60,00%	0	0,00%	22	73,33%	7	23,33%	1	3,33%	0	0,00%
5	7B2	33	3	9,09%	11	33,33%	19	57,58%	0	0,00%	26	78,79%	5	15,15%	2	6,06%	0	0,00%
6	7B3	31	2	6,45%	11	35,48%	18	58,06%	0	0,00%	23	74,19%	7	22,58%	1	3,23%	0	0,00%
Khối 8		102	6	5,88%	28	27,45%	68	66,67%	0	0,00%	76	74,51%	19	18,63%	7	6,86%	0	0,00%
7	8C1	35	1	2,86%	10	28,57%	24	68,57%	0	0,00%	26	74,29%	8	22,86%	1	2,86%	0	0,00%
8	8C2	32	4	12,50%	9	28,13%	19	59,38%	0	0,00%	23	71,88%	6	18,75%	3	9,38%	0	0,00%
9	8C3	35	1	2,86%	9	25,71%	25	71,43%	0	0,00%	27	77,14%	5	14,29%	3	8,57%	0	0,00%
Khối 9		72	5	6,94%	20	27,78%	47	65,28%	0	0,00%	53	73,61%	18	25,00%	1	1,39%	0	0,00%
10	9D1	35	2	5,71%	13	37,14%	20	57,14%	0	0,00%	27	77,14%	8	22,86%	0	0,00%	0	0,00%
11	9D2	37	3	8,11%	7	18,92%	27	72,97%	0	0,00%	26	70,27%	10	27,03%	1	2,70%	0	0,00%

- Năm 2025-2026 có $50/72 = 69,4\%$ học sinh TN THCS tham gia thi tuyển sinh vào lớp 10; 5 học sinh tham gia học nghề;

* Tham gia các cuộc thi:

- Học sinh đạt giải thi HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp trường: 15 em.

- Học sinh đạt giải thi HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh: 01 em.

- Học sinh tham gia NCKH, có 04 dự án tham gia, đạt 02 giải cấp xã, 01 giải cấp tỉnh. Tham gia thi Sáng tạo TTNNĐ có 02 sản phẩm tham dự cấp tỉnh.

VI. Kết quả tài chính.

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng;

- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng;

- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm: 10.500.877.357 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 8.354.100.000 đồng đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 2.146.777.357 đồng;

- Kinh phí thực nhận trong năm: 10.464.138.454 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 10.464.138.454 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng;

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 36.738.903 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 36.738.903 đồng

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác.

Không

Nơi nhận

- Website;
- UBND xã (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lò Văn Tuấn